SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; 14/05/2021 16:07:46

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15 /2021/QĐ-UBND	*Lai Châu, ngày 14 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe môtô hạng A1 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28/5/2021 và thay thế Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Lai Châu về việc ban hành Quy chế quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe môtô hạng A1 cho đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ văn hoá quá thấp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Giao thông Vận tải;
- TT. Tỉnh uỷ;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các P.Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- V, C, CB;
- Lưu: VT, Kt2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng A Tính

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt có hộ khẩu thường trú tại các xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu có nhu cầu học và thi lấy giấy phép lái xe mô tô hạng A1.

Cơ quan quản lý công tác đào tạo, sát hạch lái xe; cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch lái xe trong phạm vi tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quy định về địa điểm, thời gian tuyển sinh, mở lớp, giáo viên giảng dạy

1. Địa điểm đào tạo, sát hạch

a) Địa điểm tổ chức đào tạo được tổ chức tại trung tâm các huyện, thành phố hoặc trung tâm các xã có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

b) Đối với các huyện không đủ điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 21 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải chỉ được tổ chức tại các trung tâm huyện, thành phố có đủ điều kiện theo quy định.

2. Các cơ sở đào tạo phối hợp với các huyện, thành phố tiến hành tuyển sinh, lập danh sách lớp học, số lượng học viên, thời gian, địa điểm học gửi Sở Giao thông Vận tải để báo cáo.

3. Quy định số lượng học viên không vượt quá 35 người/01 lớp, trường hợp số lượng lớn phải chia thành nhiều lớp.

4. Giáo viên giảng dạy phải có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Nghị

định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và biết nói tiếng dân tộc thiểu số, nếu không có giáo viên nói tiếng dân tộc thiểu số cơ sở đào tạo phải thuê người phiên dịch, kinh phí thuê do cơ sở đào tạo tự chi trả.

Điều 3. Về mức thu học phí và khoản thu khác

1. Thực hiện mức thu học phí do cơ sở đào tạo tự xây dựng mức học phí quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Liên Bộ: Tài chính và Giao thông vận tải.

2. Nghiêm cấm cơ sở đào tạo thu học phí cao hơn mức học phí đã xây dựng theo Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Liên Bộ: Tài chính và Giao thông vận tải. Nghiêm cấm bán các loại tài liệu hồ sơ cho học viên quá mức giá đặt mua của nhà sản xuất.

Chương II
TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO

Điều 4. Quy định về điều kiện tuyển sinh

Là người đảm bảo về độ tuổi, sức khoẻ theo quy định tại Điều 60 của Luật Giao thông đường bộ và thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quy chế này.

Điều 5. Nội dung đào tạo lý thuyết

1. Chương trình đào tạo: Áp dụng giảng dạy theo chương trình đào tạo lái xe quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BVTGT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải; Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải.

2. Cơ sở đào tạo biên soạn giáo án, lên chương trình giảng dạy theo quy định và nội dung giáo án tăng thêm 02 tiết về phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, điều kiện để tham gia giao thông, quy tắc giao thông đường bộ, các hành vi bị nghiêm cấm, ý thức đạo đức người tham gia giao thông và điều kiện đường sá, địa hình của tỉnh để phù hợp với trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt.

3. Lớp học cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt phải giảng dạy riêng, thời gian giảng lý thuyết là 10 tiết.

Điều 6. Nội dung đào tạo thực hành

1. Giảng theo giáo trình đã ban hành và cần phải nhấn mạnh thêm về tốc độ chạy xe trên đường, đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông, đi đường đèo dốc, tránh vượt, chuyển hướng đúng quy tắc đường bộ, đi đúng làn đường, phần đường quy định.

2. Phải hướng dẫn cụ thể về cấu tạo xe, cách điều khiển xe trên đường, các biện pháp đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông trên đường.

3. Tập trung giảng dạy kỹ năng lái xe trong hình liên hoàn, kỹ năng lái xe trong hình có lắp thiết bị chấm điểm tự động và trực tiếp giáo viên phải đi mẫu, thời gian giảng phần thực hành là 04 tiết.

Điều 7. Trình tự, thủ tục, hồ sơ tuyển sinh

Trình tự, thủ tục, hồ sơ tuyển sinh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 và được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải cụ thể như sau:

1. Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định của Bộ Giao thông vận tải.

2. Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

3. Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

4. Chụp ảnh trực tiếp tạo cơ sở đào tạo hoặc kèm theo 02 ảnh (3x4) kiểu ảnh chứng minh thư khi đến nộp hồ sơ.

5. Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú, xác nhận là người đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt theo mẫu quy định của của Bộ Giao thông vận tải; giấy xác nhận có giá trị 01 năm kể từ ngày ký xác nhận; cá nhân ký tên hoặc điểm chỉ vào giấy xác nhận.

Điều 8. Phương pháp đào tạo

1. Sử dụng phương pháp giảng dạy trực quan, chủ yếu bằng hình ảnh, bằng động tác mẫu, bằng chỉ dẫn và hỏi đáp. Khi giảng dạy yêu cầu phải có đầy đủ hình ảnh mẫu về những hành vi vi phạm Luật Giao thông đường bộ.

2. Trong quá trình giảng giáo viên cần phải có nhiều ví dụ cụ thể, sinh động nhằm làm cho học viên dễ hiểu, dễ nhớ.

Chương III
NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP SÁT HẠCH

Điều 9. Quy định về đề thi

1. Đề thi giao Sở Giao thông vận tải soạn thảo, ban hành và thống nhất quản lý trên cơ sở bộ đề thi chung của Tổng cục Đường bộ Việt Nam được lược bớt từ một số câu không liên quan đến tình hình thực tế tại Lai Châu.

2. Cấu trúc đề sát hạch sát hạch cấp giấy phép lái xe hạng A1 dựa trên cấu trúc đề thi giấy phép lái xe hạng A1 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (có lược bớt một số câu) gồm 20 câu trong đó: Có 01 câu về tình huống mất an toàn giao thông nghiêm trọng; 04 câu về quy tắc giao thông; 01 câu về tốc độ, khoảng cách; 01 câu về văn hoá và đạo đức người lái xe; 01 câu về kỹ thuật lái xe; 06 câu về hệ thống biển báo đường bộ; 06 câu về giải các thế sa hình và kỹ năng xử lý tình huống giao thông.

3. Bộ đề gồm 50 đề sát hạch được đánh số từ 01 đến 50, đáp án dạng thẻ soi lỗ chấm thi được đục lỗ do Ban Quản lý đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe thống nhất quản lý và sử dụng theo quy định.

4. Mỗi câu hỏi trong đề sát hạch có từ 02 đến 04 đáp án trong đó chỉ có 01 ý trả lời đúng nhất; trong các câu hỏi, có 01 câu trả lời sai sẽ bị truất quyền sát hạch, các câu còn lại mỗi câu tính là 01 điểm.

5. Áp dụng hình thức đảo đề theo quy định của Tổng cục Đường bộ Việt Nam trước mỗi kỳ thi sát hạch để bảo đảm tính khách quan trong kỳ thi.

Điều 10. Hình thức và phương pháp sát hạch lý thuyết

1. Hình thức sát hạch lý thuyết: Tổ chức thi vấn đáp.

2. Phương pháp sát hạch lý thuyết: thi vấn đáp áp dụng đối với thí sinh là người không biết đọc, viết tiếng Việt và trình tự tiến hành phần sát hạch như sau:

a) Sát hạch viên tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, bộ đề và đáp án sát hạch.

b) Số lượng sát hạch viên tham gia hỏi vấn đáp do Tổ trưởng tổ sát hạch sắp xếp cho phù hợp kỳ sát hạch.

c) Mỗi sát hạch viên gọi 01 thí sinh mỗi đợt theo hồ sơ, kiểm tra nhận dạng, đối chiếu chứng minh thư nhân dân.

d) Sát hạch viên kê khai các trích ngang trong giấy thi cho thí sinh.

e) Thí sinh tự chọn rút đề thi trong số bộ đề in sẵn, 01 sát hạch viên đọc cụ thể từng câu hỏi của đề thi và giúp thí sinh đánh dấu theo đáp án mà thí sinh lựa chọn.

f) Thời gian thi vấn đáp và trả lời của thí sinh tối đa bằng thời gian thi nội dung lý thuyết của hạng A1 quy định của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, đúng từ 16/20 trở lên là đạt yêu cầu.

g) Sát hạch viên hỏi xong yêu cầu thí sinh điểm chỉ vào bài thi và chuyển bài thi cho sát hạch viên được phân công chấm thi lý thuyết. Sát hạch viên chấm điểm bằng thẻ soi lỗ và khi chấm xong công bố kết quả ngay cho thí sinh dự sát hạch.

Điều 11. Hình thức và phương pháp sát hạch thực hành

Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết được dự thi nội dung sát hạch thực hành theo quy trình của Bộ Giao thông vận tải và hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 12. Xét công nhận trúng tuyển và cấp giấy phép lái xe.

1. Kết thúc kỳ sát hạch, tổ sát hạch tổng hợp kết quả và trình Giám đốc Sở Giao thông vận tải ra quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch kèm theo danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định của Bộ Giao thông vận tải.

2. Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết lần một thì được đăng ký thi lại và phải tham gia đào tạo cùng với các lớp đạo tạo của kỳ kế tiếp.

3. Thí sinh thi đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch lý thuyết và đăng ký thi lại nội dung thực hành ở các kỳ kế tiếp.

Điều 13. Cấp Giấy phép lái xe.

1. Thời gian cấp giấy phép lái xe chậm nhất không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

2. Nơi trả giấy phép lái xe sẽ được thông báo ngay khi học viên đến dự thi.

Chương IV
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

Điều 14. Trách nhiệm phối hợp

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các dân tộc thiểu số được tham gia giao thông thuận lợi, đúng quy định và tạo ra sự hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật; đồng thời tránh lạm dụng chủ trương ưu tiên của Đảng và chính sách

của Nhà nước, yêu cầu các sở, ban, ngành, các địa phương phải có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Chủ động lập kế hoạch và phối hợp với cơ sở đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường về lịch học và thi, địa điểm học và thi, thông báo rộng rãi để nhân dân biết tham gia.

2. Soạn đề thi, thẻ soi lỗ chấm thi đúng chương trình, giáo trình đào tạo trên cơ sở bộ đề thi của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Tổ chức kỳ sát hạch đúng thời gian, địa điểm và đảm bảo có chất lượng, đúng quy định.

3. Chỉ đạo cơ sở đào tạo lái xe biên soạn giáo trình và giáo án giảng dạy theo đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải.

4. Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chức năng thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện quy chế.

5. Hàng năm, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo

1. Chỉ cơ sở đào tạo lái xe đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đào tạo hạng A1 trở lên và đủ điều kiện về giáo viên, về trang thiết bị và cơ sở vật chất mới được đào tạo cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm đảm bảo về chất lượng đào tạo, chất lượng cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giảng dạy, đội ngũ giáo viên, chú trọng đào tạo giáo viên là người biết tiếng dân tộc.

3. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan chức năng tổ chức tuyển sinh đúng đối tượng có nhu cầu học và thi lấy giấy phép lái xe đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Quy chế này.

4. Chủ động soạn giáo trình, giáo án giảng dạy. Tổ chức đào tạo đúng nội dung, chương trình theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, chú trọng chất lượng đào tạo theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông Vận tải và các sở, ban, ngành chức năng thường xuyên thông tin tuyên truyền về chế độ chính sách ưu tiên của Nhà nước cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt để thi giấy phép lái xe hạng A1 đảm bảo theo đúng quy định. Thông báo rộng rãi lịch học và sát hạch đến các thôn, bản, địa phương.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Giao thông vận tải, cơ sở đào tạo về cơ sở, vật chất để tổ chức đào tạo, sát hạch như: Phòng học, phòng thi và sân bãi.

3. Chỉ đạo các phòng, ban chức năng phối hợp với cơ sở đào tạo lái xe trong tỉnh tổ chức tuyển sinh đúng thời gian, đảm bảo đúng đối tượng, tránh lợi dụng chính sách ưu tiên để thực hiện sai Quy chế này.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc xác nhận đối tượng là đồng bào dân tôc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt có nhu cầu học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 phải đúng theo quy định và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nội dung xác nhận; tránh tình trạng người dân lợi dụng chính sách của Nhà nước để làm sai lệch thông tin.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Tuyên truyền, vận động nhân dân nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt ở địa phương nói riêng đăng ký đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định.

2. Phân công cán bộ có trách nhiệm, phụ trách việc hướng dẫn cho đồng bào thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt thuộc địa bàn quản lý đến làm thủ tục xác nhận để học và sát hạch lấy giấy phép lái xe theo đúng quy định của quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác trong việc xác nhận đúng đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt của mình. Nghiêm cấm việc xác nhận không đúng đối tượng, khai man về trình độ học vấn để lợi dụng học và sát hạch theo Quy chế này.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Khen thưởng

Các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này thì được xem xét, khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định của Quy chế này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Người có hành vi gian dối khác để được cấp mới giấy phép lái xe thì giấy phép lái xe đó không có giá trị sử dụng, ngoài việc bị cơ quan quản lý giấy

phép lái xe ra quyết định thu hồi giấy phép lái xe, hồ sơ gốc và cập nhập dữ liệu quản lý trên hệ thống giấy phép lái xe còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm, nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

3. Cán bộ cơ sở đào tạo, sát hạch viên vi phạm các quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan cố ý gây phiền hà, sách nhiễu hoặc thông đồng cùng người khác để làm sai quy định của Quy chế này sẽ bị xử lý kỷ luật theo Thông tư số 06/2012/TT-BGTVT ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Bộ Giao thông Vận tải về quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và Thông tư số 84/2015/TT - BGTGT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2012/TT-BGTVT ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải về quy định trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Các nội dung khác về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt không được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT - BVTGT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải./.